TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 159/2018/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 13 tháng 08 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 07 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

Chị Đào Thị N – sinh năm: 1979

Anh Lưu Đình T – sinh năm: 1975

Cùng HKTT và trú tại: Tổ 43, cụm 7, phường P, quận T, thành phố H

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 08 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 08 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đào Thị N và anh Lưu Đình T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tình cảm: Chị Đào Thị N và anh Lưu Đình T thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Xác định anh chị có 01 (một) con chung là Lưu Đình T – sinh ngày: 11/11/2001. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị: Giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về lệ phí: Chị N tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai số 06707 ngày 23 tháng 07 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận T; thành phố H;
- Chi cục THADS quận T; thành phố H;
- UBND phường Hoàng Văn T, thành phố T, tỉnh T (GCNKH số 121 ngày 15/12/2000)
- Đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Giang